

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/KDTM-PT
Ngày: 16 - 6 -2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Thu Hằng và bà Trịnh Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Sơn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2026/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại số: 07/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXX-PT ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: Lầu B, số A - A V, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số E (Lầu B) N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: số D đường C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 02/10/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Võ Đạt N - Chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: Ấp B, xã H, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Hoàng P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số A T, tổ A, khóm B, phường L, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 24/02/2025).

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần S.

(Tại phiên tòa, ông L, ông N và bà P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn do ông Nguyễn Thành L đại diện trình bày:

Công ty S với Công ty T có ký kết Hợp đồng cung ứng gạo xuất khẩu số 39/HĐCU-ĐN/23 ngày 14/7/2023 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 39). Theo đó, Công ty T bán cho Công ty S 2.000 tấn gạo, loại 25% tấm, giá 10.940.000 đồng/tấn; thời hạn giao hàng vào cuối tháng 7/2023; phương thức giao hàng: tùy nghi, không quy định cụ thể; phương thức thanh toán: trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, Công ty S sẽ thanh toán 70% giá trị hàng hóa đối với số hàng mà Công ty T đã giao cho Công ty S; mục đích Công ty S mua gạo của Công ty T để bán lại cho Công ty P1. Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng số 39, Công ty S đã đặt cọc cho Công ty T số tiền 6.564.000.000 đồng (tương đương 30% của giá trị Hợp đồng số 39).

Ngày 25/7/2023, Công ty S có thông báo yêu cầu Công ty T giao 2.160 tấn gạo theo thỏa thuận, thời gian giao hàng tại kho là ngày 27/7/2023. Từ ngày 28/7/2023 đến ngày 31/7/2023, Công ty T đã giao cho Công ty S tổng cộng 1.000 tấn gạo, tổng giá trị là 10.940.000.000 đồng; ngày 28/7/2023, Công ty S đã chuyển cho Công ty T số tiền 5.000.000.000 đồng.

Ngày 03/8/2023, Công ty S có thông báo yêu cầu Công ty T giao 998 tấn gạo theo Hợp đồng số 39 nhưng Công ty T không giao hàng theo thỏa thuận nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán tổng số tiền bồi thường 3.000.037.900 (ba tỷ, không trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm) đồng, cụ thể gồm các khoản sau:

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng: $998 \text{ (tấn gạo 25\% tấm)} \times 10.940.000 \text{ (đồng/tấn)} \times 20\% \text{ (giá trị hợp đồng vi phạm)} = 2.183.624.000 \text{ (hai tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.}$

- Tiền bồi thường khoản lợi nhuận mất đi (lợi nhuận mà Công ty S sẽ nhận được nếu Công ty T giao 998 tấn gạo 25% tấm để Công ty S xuất khẩu bán cho đối tác nước ngoài): $998 \text{ (tấn gạo 25\% tấm)} \times 818.050 \text{ (đồng/tấn)} = 816.413.900 \text{ (tám trăm mười sáu triệu, bốn trăm mười ba nghìn, chín trăm) đồng.}$

Sau khi xét xử Giám đốc thẩm, Công ty S lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ còn yêu cầu Công ty T phải bồi thường số tiền 873.449.600 đồng.

Bị đơn Công ty T do bà Hồ Hoàng P đại diện trình bày:

Ngày 14/7/2023, Công ty T với Công ty S có xác lập Hợp đồng số 39. Theo đó, Công ty T bán cho Công ty S 2.000 tấn gạo, đơn giá 10.940.000 đồng/tấn; phương thức giao hàng: Giao hàng từng lần; phương thức thanh toán: trong thời

hạn 02 (hai) ngày làm việc, Công ty S sẽ thanh toán 70% giá trị hàng hóa đối với số hàng mà Công ty T giao cho Công ty S. Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng số 39, Công ty S đã đặt cọc 30% giá trị của hợp đồng mua bán đối với 2.000 tấn gạo là 6.564.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2023, Công ty S ban hành thông báo yêu cầu Công ty T giao 2.160 tấn gạo theo Hợp đồng số 39. Từ ngày 27/7/2023 đến ngày 31/7/2023, Công ty T đã giao được 1.000 tấn gạo, tổng giá trị 10.940.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, Công ty S phải trả 70% giá trị hàng hóa của số tiền 10.940.000.000 đồng là 7.658.000.000 đồng, còn lại 30% giá trị hàng hóa tương đương số tiền 3.282.000.000 đồng sẽ trừ vào số tiền đặt cọc; đồng thời, Công ty S có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 7.658.000.000 đồng trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày 31/7/2023 nên thời hạn thanh toán của Công ty S là từ ngày 01/8/2023 đến ngày 02/8/2023. Ngày 28/7/2023, Công ty S đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty T số tiền 5.000.000.000 đồng, còn nợ lại Công ty T số tiền 2.658.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty S Thiên Kim thanh toán tiền hàng hóa còn nợ với số tiền 2.658.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 01/8/2023 đến ngày 02/8/2023 theo thỏa thuận nhưng Công ty S không thực hiện nên Công ty T mới đơn phương chấm dứt hợp đồng và không tiếp tục giao hàng theo yêu cầu của Công ty S. Mặt khác, giá xuất khẩu gạo do Công ty S cung cấp là không chính xác. Do đó, Công ty T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang) đã tuyên xử:

Căn cứ: Điều 30, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 428, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 50, 51, 55, 300, 301, 302, 303 Luật Thương mại;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo, án phí và thi hành án của đương sự.

Ngày 06/8/2024, Công ty Cổ phần S kháng cáo lần thứ nhất, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải bồi thường số tiền 2.183.624.000 đồng và tiền bồi thường khoản lợi nhuận mất đi là 816.413.900 đồng.

Ngày 04/6/2026, Công ty Cổ phần S có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn thanh toán khoản tiền phạt vi phạm là 873.449.600 đồng (998 tấn gạo, loại 25% tám x 10.940.000 đồng/tấn x 8%).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải bồi thường số tiền 2.183.624.000 đồng; giữ y yêu cầu kháng cáo theo đơn sửa đổi, bổ sung ngày 04/6/2026 về buộc Công ty T phải chịu số tiền phạt vi phạm là 873.449.600 đồng như Quyết định giám đốc thẩm số 02/2026/KDTM-GĐT ngày 06/02/2026 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị đơn và người đại diện trình bày: Công ty T không có lỗi. Cụ thể, từ ngày 27/7/2023 đến ngày 31/7/2023 Công ty T đã giao cho Công ty S số lượng 1000 tấn gạo gồm, phiếu chứng nhận giám sát lúc 11 giờ 30 phút ngày 29/7/2023 số lượng 350 tấn cấp cho Sà Lan AG25206; phiếu chứng nhận giám sát lúc 17 giờ 30 phút ngày 30/7/2023 số lượng 250 tấn cấp cho Sà Lan AG25568 và phiếu chứng nhận giám sát lúc 17 giờ 30 phút ngày 31/7/2023 số lượng 400 tấn cấp cho Sà Lan AG25461.

Vì Công ty S không thanh toán số tiền còn nợ 2.658.624.000 đồng nên Công ty T không tiếp tục giao hàng là lỗi của Công ty S. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Công ty S với Công ty T có ký kết Hợp đồng cung ứng gạo xuất khẩu số 39/HĐCU-ĐN/23 ngày 14/7/2023. Theo đó, Công ty T bán cho Công ty S 2.000 tấn gạo, loại 25% tấm, giá 10.940.000 đồng/tấn; thời hạn giao hàng vào cuối 7/2023.

Sau khi ký hợp đồng, tính đến ngày 31/7/2023 Công ty T mới giao cho Công ty S 1.000 tấn, còn lại 1.000 tấn thì ngưng. Như vậy, Công ty T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có sự đồng ý của Công ty S là vi phạm hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của Công ty S, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang), buộc Công ty T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 873.449.600 đồng cho Công ty S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty S (gọi tắt là Công ty S) trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm theo thông

báo của Tòa án nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm lần 01, ngày 24/7/2024 Công ty S yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc Công ty T bồi thường số tiền 2.182.624.000 đồng (20% giá trị của 998 tấn gạo) không giao theo nội dung Hợp đồng số 39/HĐCU-ĐN/23 ngày 14/7/2023 ký giữa các bên.

[2.2] Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 02/2025/KDTM-PT, ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải bồi thường số tiền 2.182.624.000 đồng cho Công ty Cổ phần S.

[2.3] Bản án bị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị (Quyết định số 15/QĐ-VKS-KDTM ngày 17/9/2025) theo thủ tục giám đốc thẩm là bởi, cấp phúc thẩm phạt mức 20% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là trái với quy định của Luật Thương mại.

[2.4] Quyết định giám đốc thẩm số 02/2026/KDTM-GĐT ngày 06/02/2026 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận kháng nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, tuyên hủy Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 02/2025/KDTM-PT, ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm lần này, Công ty S rút lại 01 phần nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc Công ty T bồi thường số tiền 873.449.600 đồng (8% giá trị của 998 tấn gạo) không giao theo nội dung Hợp đồng số 39 ký giữa các bên.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng số 39 được Công ty S và Công ty T ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Luật Thương mại năm 2005.

Công ty S cho rằng, Công ty T không giao hàng theo hợp đồng đã ký; Công ty T cho rằng, Công ty S chậm thanh toán tiền nên ngừng giao hàng theo hợp đồng đã ký, làm phát sinh tranh chấp.

[4.1] Theo điều khoản được thỏa thuận tại Hợp đồng số 39, thì thời hạn giao hàng hóa là cuối tháng 7/2023 (được hiểu hết ngày 31/7/2023) Công ty T phải giao cho Công ty S 2.000 tấn gạo, loại 25% tấm. Tuy nhiên, đến ngày 31/7/2023, Công ty T mới giao được 1.000 tấn gạo là mới thực hiện đạt 50% số lượng gạo theo Hợp đồng số 39.

Ngày 03/8/2023 Công ty S thông báo yêu cầu Công ty T giao tiếp 998 tấn gạo theo Hợp đồng số 39 nhưng Công ty T không giao hàng theo thỏa thuận là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

[4.2] Về nghĩa vụ thanh toán, theo Hợp đồng số 39, sau khi gạo được xếp xuống xà lan và có Phiếu chứng nhận giám sát của cơ quan giám định, chậm nhất 02 ngày làm việc Công ty S phải thanh toán số tiền 70% của giá trị hàng hóa được xếp xuống xà lan. Ngày 28/7/2023 khi Công ty T mới chuyển hàng được 01 ngày, chưa đủ số lượng 1.000 tấn gạo nhưng Công ty S đã có thiện chí chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng cho Công ty T.

Đến ngày 31/7/2023 Công ty T xếp xuống xà lan được 1.000 tấn gạo và chưa có Phiếu chứng nhận giám sát của cơ quan giám định (đến ngày 19/8/2023 mới có phiếu kiểm định) nhưng cùng ngày 31/7/2023, Công ty T lại tiếp tục yêu cầu Công ty T1 đủ số tiền 70% của 1.000 tấn gạo đã giao, nếu không sẽ ngừng giao hàng là trái với quy định về phương thức thanh toán thỏa thuận trong Hợp đồng số 39.

Đến ngày 03/8/2023, Công ty T ngừng giao hàng với lý do Công ty S chưa thanh toán đủ số tiền 70% của 1.000 tấn gạo đã giao. Trường hợp này, Công ty S không vi phạm nghĩa vụ thanh toán vì chưa có Phiếu chứng nhận giám sát của cơ quan giám định. Công ty T ngừng giao hàng, đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên cho thấy, Công ty Đ Nghĩa là bên vi phạm Hợp đồng trước và tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Nhưng cấp sơ thẩm xác định lỗi dẫn đến phát sinh tranh chấp là do Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng là không đúng.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng số 39, mức phạt 20%, chỉ yêu cầu khoản tiền phạt mức 08%, tương đương số tiền 873.449.600 đồng (998 tấn gạo x 10.940.000 đồng/tấn x 8%) là đúng pháp luật theo quy định Điều 301 Luật Thương mại năm 2005.

Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty S như ý kiến đề xuất của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[7] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Công ty S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty T phải chịu 38.203.488 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần S kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần S.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại số: 07/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang).

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải bồi thường số tiền 873.449.600đ (tám trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng) cho Công ty Cổ phần S.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty Cổ phần S đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về yêu cầu mức phạt 12% do vi phạm Hợp đồng số 39 ngày 14/7/2023 ký giữa các bên.

[3] Án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0014639, ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang).

Công ty T phải chịu 38.203.488đ (ba mươi tám triệu hai trăm linh ba nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Công ty S không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023867, ngày 25/12/2024 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013280 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang).

Kể từ khi có đơn yêu cầu hành án, bên phải hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Phòng GD, KT, TTr và THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Hai